

KẾT NỐI TRI THỨC | NGỮ VĂN

CHUYÊN ĐỀ ÔN TẬP HỌC KỲ 1

MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

BẢN ĐỌC THỬ

Lên lớp 11, không ít em vẫn đọc thơ theo thói quen của lớp 10: điểm từng hình ảnh, từng biện pháp tu từ, rồi ngạc nhiên vì bài viết bị nhận xét "chưa chỉ ra được cấu tứ". Với truyện cũng vậy, đề không còn hỏi "truyện kể theo ngôi thứ mấy" mà hỏi **điểm nhìn dịch chuyển ra sao và để làm gì**. Bộ "Chuyên đề ôn tập Học kỳ 1 - Ngữ văn 11" được biên soạn để gỡ đúng những chỗ vướng ấy.

BA ĐIỂM MỚI CỦA NGỮ VĂN 11 HỌC KÌ I, BỘ TÀI LIỆU ĐI THẮNG VÀO TỪNG ĐIỂM

- Truyện:** câu chuyện và truyện kể, điểm nhìn bên trong, bên ngoài, sự dịch chuyển điểm nhìn, lời nửa trực tiếp.
- Thơ trữ tình:** cấu tứ, tứ thơ, yếu tố tượng trưng và tính đa nghĩa của ngôn từ.
- Nghị luận xã hội:** bài viết phải dẫn ra và phân bác ý kiến trái chiều (Bài 3), hoặc nêu thêm một góc nhìn khác (Bài 4).

Bản đầy đủ có gì trong tay quý thầy cô và các em?

Hạng mục	Nội dung
Quy mô	118 trang Word khổ A4, định dạng sẵn, sửa được, in được ngay.
Phần 1	Kiến thức 5 thể loại: Truyện, Thơ trữ tình, Nghị luận, Truyện thơ dân gian, Bi kịch. Mỗi khái niệm kèm một câu ví von giúp nhớ lâu.
Phần 2	Bảng câu hỏi đọc hiểu 4 cấp độ cho 3 thể loại; 4 dàn ý khung: truyện, thơ, nghị luận xã hội, đoạn văn 200 chữ.
Phần 3	12 đề, ngữ liệu ngoài SGK (4 truyện, 4 thơ, 4 nghị luận). Mỗi đề có ma trận, đặc tả, đề, hướng dẫn chấm, đoạn văn mẫu và bài văn mẫu.
Bài mẫu	24 bài viết mẫu, câu chủ đề in đậm, mỗi bài một lối vào đề riêng.

CÁCH ĐỌC BẢN ĐỌC THỬ NÀY: bản đọc thử đi theo một mạch duy nhất là **Thơ trữ tình**, từ kiến thức (mục 1.2) sang kỹ năng (bảng câu hỏi và dàn ý thơ), rồi đến trọn vẹn Đề Thơ số 1 "Miền quê" của Nguyễn Khoa Điềm. Đọc hết mạch này, quý thầy cô sẽ thấy bộ tài liệu dẫn học sinh đi từng bước như thế nào. Cuối bản là danh mục 12 đề và hai đoạn trích từ bài viết mẫu nhóm Truyện, nhóm Nghị luận.

MỤC LỤC

PHẦN 1. KIẾN THỨC CƠ BẢN THEO ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI

- 1.1. Truyện (Bài 1 - Câu chuyện và điểm nhìn trong truyện kể)
- 1.2. Thơ trữ tình (Bài 2 - Cấu tứ và hình ảnh trong thơ trữ tình)
- 1.3. Văn bản nghị luận (Bài 3 - Cấu trúc của văn bản nghị luận)
- 1.4. Truyện thơ dân gian và yếu tố tự sự trong thơ trữ tình (Bài 4)
- 1.5. Bi kịch (Bài 5 - Nhân vật và xung đột trong bi kịch), phạm vi mở rộng

PHẦN 2. KỸ NĂNG ĐỌC HIỂU VÀ VIẾT THEO THỂ LOẠI

- 2.1. Đọc hiểu theo 4 cấp độ nhận thức
- 2.2. Viết - Bốn dàn ý khung
 - a) Dàn ý nghị luận về một tác phẩm truyện (đào sâu nghệ thuật kể chuyện)
 - b) Dàn ý nghị luận về một bài thơ (đào sâu cấu tứ và hình ảnh)
 - c) Dàn ý nghị luận xã hội (dùng chung cho hai chủ đề Bài 3 và Bài 4)
 - d) Dàn ý đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ (truyện, thơ, xã hội)

PHẦN 3. NGÂN HÀNG ĐỀ THỰC HÀNH (12 ĐỀ ÔN TẬP)

- 3.1. NHÓM NGŨ LIỆU TRUYỆN (4 đề)
- 3.2. NHÓM NGŨ LIỆU THƠ (4 đề)
- 3.3. NHÓM NGŨ LIỆU NGHỊ LUẬN (4 đề)

PHẦN 1. KIẾN THỨC CƠ BẢN THEO ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI

PHẦN NÀY DÀNH CHO BẢN ĐẦY ĐỦ: mục 1.1 Truyện (Bài 1)

- Đặc trưng truyện ngắn hiện đại; phân biệt câu chuyện và truyện kể; điểm nhìn và sự dịch chuyển điểm nhìn (ví như vị trí đặt máy quay); lời người kể chuyện, lời nhân vật, lời nửa trực tiếp.

1.2. THƠ TRỮ TÌNH (Bài 2 - "Cấu tứ và hình ảnh trong thơ trữ tình")

a) Cấu tứ trong thơ (khái niệm trọng tâm của Bài 2)

Cấu tứ là một khâu then chốt, mang tính chất khởi đầu của hoạt động sáng tạo nghệ thuật nói chung và sáng tạo thơ nói riêng. Trong lĩnh vực thơ, cấu tứ gắn liền với việc xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ, sao cho toàn

bộ nhận thức, cảm xúc, cảm giác của nhà thơ về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó có thể được bộc lộ chân thực, tự nhiên, sinh động và trọn vẹn nhất.

Sản phẩm của hoạt động cấu tứ trong thơ là tứ thơ (thường gọi đơn giản là tứ). Tứ đưa bài thơ thoát khỏi sơ đồ ý khô khan, trừu tượng để hiện diện như một cơ thể sống. Nhờ có tứ, tổ chức của bài thơ trở nên chặt chẽ, mọi yếu tố cấu tạo đều liên hệ mật thiết với nhau và đều hướng về một ý tưởng, hình ảnh trung tâm. Mỗi bài thơ thường có một cách cấu tứ và một cái tứ riêng - tìm hiểu vấn đề này có ý nghĩa quan trọng trong việc đọc hiểu thơ, giúp nhìn ra những phát hiện độc đáo của nhà thơ về con người, cuộc sống và đánh giá đúng phẩm chất nghệ thuật của bài thơ.

Vì mối liên hệ nhân quả tất yếu giữa cấu tứ và tứ, trong nhiều trường hợp người ta đã đồng nhất hai khái niệm này: "tìm hiểu cấu tứ của bài thơ" và "tìm hiểu tứ thơ của bài thơ" có thể xem là hai cách diễn đạt khác nhau của cùng một nội dung.

Ví von cho dễ nhớ: Nếu ví bài thơ như một cơ thể sống thì cấu tứ chính là "bộ khung" của cơ thể đó - quyết định bài thơ sẽ triển khai theo hướng nào, hình ảnh nào xuất hiện trước, hình ảnh nào xuất hiện sau, để tất cả cùng hướng về một điều nhà thơ muốn nói. Đọc thơ mà tìm ra được cấu tứ, tức là tìm ra được "sợi dây" xuyên chuỗi mọi hình ảnh, mọi cảm xúc trong bài lại với nhau.

b) Yếu tố tượng trưng trong thơ

Trong sáng tác thơ ca, thuật ngữ tượng trưng hết dùng để chỉ một loại hình ảnh, hình tượng mang tính đặc thù, ở đó người nghệ sĩ dùng các hình ảnh, sự vật có thể tri giác được hay các câu chuyện cụ thể để diễn tả, gợi lên cảm nhận sâu xa về những vấn đề có ý nghĩa bao trùm và mang tính bản chất.

Trước một hình ảnh, hình tượng chứa đựng nhiều tầng nghĩa và gợi lên những cảm nhận đa chiều, người ta có căn cứ để nói đến sự hiện diện của yếu tố tượng trưng. Mọi hình ảnh, hình tượng thơ xét từ bản chất đều đã có tính tượng trưng; nhưng ở những sáng tác thuộc trường phái thơ tượng trưng, tính chất này đạt một chất lượng mới - liên quan đến ý thức sâu sắc của nhà thơ về các mối tương giao bí ẩn trong đời sống, nổi bật là tương giao giữa con người với tạo vật, vũ trụ.

Ở bài thơ có yếu tố tượng trưng, tác giả thường chú ý làm nổi bật tính biểu tượng của các hình ảnh, chi tiết, sự việc; đồng thời phối hợp các âm tiết, thanh điệu, nhịp điệu nhằm khơi dậy những cảm giác bất định, mơ hồ, hoà trộn cảm nhận của các giác quan.

Tóm lại: Hình ảnh tượng trưng giống như một "ẩn số" cố ý - nhà thơ không nói thẳng điều mình nghĩ mà mượn một hình ảnh cụ thể (ánh trăng, con thuyền, dòng sông...) để gợi ra một ý nghĩa lớn hơn, sâu xa hơn chính bản thân hình ảnh đó. Khi phân tích, học sinh cần chỉ ra được: hình ảnh này là gì (nghĩa đen), và nó đang gợi lên điều gì lớn hơn (nghĩa biểu tượng).

c) Ngôn ngữ văn học và tính đa nghĩa

Ngôn ngữ văn học là ngôn ngữ biểu đạt đặc thù của sáng tác văn học. Trên cơ sở ngôn ngữ chung của đời sống do nhân dân sáng tạo nên, ngôn ngữ văn học hình thành và phát triển phong phú nhờ lao động tinh thần đặc biệt, đầy cảm hứng của nhà văn, thể hiện rõ cá tính sáng tạo, phong cách, tài năng của người viết. Tính hình tượng và tính thẩm mỹ là hai tính chất quan trọng nhất của ngôn ngữ văn học, chi phối các tính chất khác như tính chính xác, tính đa nghĩa, tính tạo hình, tính biểu cảm, tính cá thể hoá.

Đa nghĩa là một trong những tính chất nổi bật của ngôn từ trong tác phẩm văn học: từ ngữ không chỉ có nghĩa đen, nghĩa gốc, nghĩa ban đầu mà còn có nghĩa mới, nghĩa phát sinh, do chúng thường được đặt trong những cấu trúc hay ngữ cảnh đặc biệt.

Nói nôm na: Cùng một từ, trong đời sống hằng ngày chỉ mang một nghĩa quen thuộc, nhưng khi đặt vào bài thơ, bài văn thì từ đó có thể "sinh thêm nghĩa mới". Đây chính là lý do một câu thơ có thể được nhiều người hiểu theo nhiều cách khác nhau mà vẫn hợp lý, miễn là cách hiểu đó có căn cứ từ chính văn bản.

d) Đối chiếu liên cấp và yêu cầu đọc hiểu riêng của lớp 11

Lớp 10 dừng ở các yếu tố hình thức cơ bản của thơ (từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp). Lớp 11 đào sâu cấu tứ và yếu tố tượng trưng - đây là điểm khác biệt cốt lõi so với lớp 10: không phân tích nội dung và nghệ thuật một cách tách rời, chung chung, mà phải chỉ ra được mạch vận động của tứ thơ xuyên suốt bài thơ. Lớp 12 sẽ mở rộng sang yếu tố siêu thực và các phong cách cổ điển, lãng mạn.

Yêu cầu đọc hiểu đặc trưng của lớp 11 (theo mục "Yêu cầu cần đạt", SGK tr.54): đánh giá được giá trị thẩm mỹ của ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ; nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ; phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản thơ.

PHẦN NÀY DÀNH CHO BẢN ĐẦY ĐỦ: mục 1.3 đến 1.5

- 1.3. Cấu trúc văn bản nghị luận và các yếu tố hỗ trợ (thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm).
- 1.4. Truyện thơ dân gian và yếu tố tự sự trong thơ trữ tình (Bài 4).
- 1.5. Bi kịch: nhân vật và xung đột (phạm vi mở rộng).

PHẦN 2. KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VÀ VIẾT THEO THỂ LOẠI

2.1. Đọc hiểu theo 4 cấp độ (Nhận biết - Thông hiểu - Vận dụng - Vận dụng cao)

b) Thơ trữ tình (trọng tâm: cấu tứ và yếu tố tượng trưng)

Mức độ	Dạng câu hỏi thường gặp	Câu hỏi mẫu (khuôn)
Nhận biết	Xác định thể thơ; xác định nhân vật trữ tình; xác định hình ảnh trung tâm, từ ngữ, biện pháp tu từ được sử dụng.	Xác định nhân vật trữ tình và hình ảnh trung tâm của bài thơ.
Thông hiểu	Phân tích cấu tứ (mạch vận động của	Phân tích cấu tứ của bài thơ trên

	cảm xúc, hình ảnh qua các phần/khổ thơ); giải mã ý nghĩa hình ảnh có yếu tố tượng trưng; nêu hiệu quả của biện pháp tu từ.	(mạch cảm xúc vận động qua các hình ảnh, các khổ thơ).
Vận dụng	Đánh giá vai trò của cấu tứ, hình ảnh trong việc thể hiện cảm xúc, chủ đề; nhận xét tính đa nghĩa của ngôn từ.	Đánh giá vai trò của cấu tứ trong việc thể hiện cảm xúc chủ đạo của bài thơ.
Vận dụng cao	Liên hệ, so sánh ngắn cấu tứ/hình ảnh tượng trưng với một bài thơ khác cùng chủ đề đã học hoặc đọc; liên hệ tư tưởng, bài học cho bản thân.	Liên hệ, so sánh cấu tứ hoặc hình ảnh tượng trưng của bài thơ trên với một bài thơ khác mà anh/chị đã học hoặc đọc.

PHẦN NÀY DÀNH CHO BẢN ĐẦY ĐỦ: bảng câu hỏi 4 cấp độ cho Truyện (trọng tâm điểm nhìn) và Văn bản nghị luận (trọng tâm cấu trúc, mạch lập luận)

2.2. Viết - Bồn đàn ý khung

Bồn đàn ý dưới đây là khung chung, áp dụng được cho bất kỳ ngữ liệu nào cùng thể loại, đúng trọng tâm và mức độ yêu cầu của lớp 11

b) Dàn ý nghị luận về MỘT bài THƠ (tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh)

Khác lớp 10: trọng tâm là "tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh của tác phẩm" (SGK tr. 66-71). Nói về cấu tứ phải lí giải được điều tạo nên tính chỉnh thể của bài thơ; nói về hình ảnh phải làm nổi bật tính chất của hệ thống hình ảnh và cách tổ chức chúng theo sự chi phối của tứ thơ.

Mở bài

- Có thể dẫn dắt bằng một câu hỏi, một hình ảnh của bài thơ, hoặc một nhận định lí luận về thơ, về tứ thơ (không bắt buộc).
- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.
- Nêu vấn đề nghị luận: sẽ khám phá cấu tứ và hệ thống hình ảnh của bài thơ.

Thân bài

- Khái quát chung: nhân vật trữ tình, bối cảnh, mạch cảm xúc (vận động từ đâu đến đâu), chủ đề bao trùm.
- Phân tích cấu tứ theo từng chặng vận động của tứ thơ (thường ứng với các khổ/phần bài thơ, 2-4 luận điểm): mỗi luận điểm chỉ ra hình ảnh trung tâm của chặng đó, phân tích hình ảnh (kể cả hình ảnh mang yếu tố tượng trưng), chỉ ra sự chuyển động của cảm xúc từ chặng này sang chặng khác.
- Đánh giá yếu tố tượng trưng và ngôn ngữ: tính đa nghĩa của từ ngữ, hoà trộn cảm giác các giác quan, vai trò của thanh điệu/nhịp điệu trong việc gợi cảm giác mơ hồ, bất định (nếu bài thơ có yếu tố tượng trưng).

- Lưu ý khi viết (SGK tr. 71): nêu những cách nhìn nhận khác nhau (nếu có) về cấu tứ trước khi trình bày ý kiến riêng, có thể vẽ sơ đồ cấu tứ; khi nêu hàm nghĩa của hình ảnh, tránh khẳng định một chiều, dùng những cách nói thận trọng như "phải chăng", "có thể hiểu là"; trích thơ đúng bản gốc, tách khỏi câu, khổ thơ được trích.
- Đánh giá nâng cao: tài năng và tư tưởng của tác giả; so sánh, liên hệ với một bài thơ/tác giả khác có cách cấu tứ tương đồng hoặc khác biệt.

Kết bài

- Có thể khép lại bằng một nhận định lí luận văn học khác câu ở mở bài (không bắt buộc).
- Khẳng định giá trị của bài thơ (cả về cấu tứ lẫn cảm xúc, tư tưởng).
- Liên hệ bản thân/thế hệ trẻ.

Gợi ý thực hành: gạch chân hình ảnh xuất hiện ở đầu, giữa, cuối bài thơ rồi thử nối chúng lại bằng một câu. Nếu câu đó kể được một "hành trình cảm xúc" trọn vẹn (bắt đầu từ đâu, đi qua đâu, kết ở đâu) thì đó chính là cấu tứ của bài thơ.

PHẦN NÀY DÀNH CHO BẢN ĐẦY ĐỦ: dàn ý a), c), d)

- a) Dàn ý nghị luận về một tác phẩm truyện, đào sâu nghệ thuật kể chuyện, kèm ba câu hỏi gợi mở để tìm điểm nhìn.
- c) Dàn ý nghị luận xã hội dùng chung cho hai hướng đề: phản bác ý kiến trái chiều và nêu góc nhìn khác.
- d) Ba khung đoạn văn 200 chữ và mẹo ước lượng số chữ khi viết tay.

PHẦN 3. NGÂN HÀNG ĐỀ THỰC HÀNH (12 ĐỀ ÔN TẬP)

3.2. NHÓM NGŨ LIỆU THƠ (4 đề)

4 đề dưới đây luyện đúng kỹ năng đã học ở mục 2.2.2, và kỹ năng đọc hiểu 4 cấp độ đã học ở mục 2.1.

- Đề số 1: "Miền quê" (Nguyễn Khoa Điềm); Câu 2 phân tích, đánh giá cấu tứ và hình ảnh.
- Đề số 2: "Áo trắng" (Huy Cận); Câu 2 phân tích, đánh giá cấu tứ và hình ảnh.
- Đề số 3: "Thử nói về hạnh phúc" (trích, Thanh Thảo); Câu 2 phân tích, đánh giá cấu tứ và hình ảnh.
- Đề số 4: "Anh chỉ sợ rồi trời sẽ mưa" (Lưu Quang Vũ); Câu 2 phân tích, đánh giá cấu tứ và hình ảnh.

Đề Thơ số 1 dưới đây được để nguyên, không lược bỏ phần nào, kể cả bài văn mẫu.

ĐỀ ÔN THI HỌC KÌ I - NGỮ VĂN 11 (KẾT NỐI TRI THỨC)

NHÓM THƠ - ĐỀ SỐ 1

Ngữ liệu: "Miền quê" - Nguyễn Khoa Điềm

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Môn: Ngữ văn 11 (Kết nối tri thức) - Thời gian làm bài: 90 phút

Kĩ năng	Nội dung / Đơn vị kiến thức	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Tổng điểm
Đọc hiểu	Văn bản thơ (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	2 câu (1,0đ)	2 câu (2,0đ)	1 câu (1,0đ)	0	4,0 điểm
Viết	Đoạn văn nghị luận xã hội (khoảng 200 chữ)				1 câu (2,0đ)	2,0 điểm
Viết	Bài văn nghị luận phân tích, đánh giá cấu tứ và hình ảnh của bài thơ (khoảng 600 chữ)				1 câu (4,0đ)	4,0 điểm
Tổng		2 câu	2 câu	1 câu	2 câu	10,0 điểm

II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

Câu	Yêu cầu cần đạt	Mức độ	Điểm
Đọc hiểu câu 1	Nhận biết được thể thơ và phương thức biểu đạt chính của bài thơ.	Nhận biết	0,5đ
Đọc hiểu câu 2	Nhận biết được những hình ảnh thiên nhiên, cảnh vật làng quê được khắc hoạ trong hai khổ	Nhận biết	0,5đ

thơ đầu.

Đọc hiểu câu 3	Hiểu được tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong việc khắc hoạ cảnh vật và thể hiện tình cảm của nhân vật trữ tình.	Thông hiểu	1,0đ
Đọc hiểu câu 4	Phân tích, nhận xét được mạch vận động của cảm xúc qua bốn khổ thơ và vai trò của hình ảnh lặp lại (trăng) trong việc tạo nên cấu tứ bài thơ.	Thông hiểu	1,0đ
Đọc hiểu câu 5	Rút ra được thông điệp có ý nghĩa về vẻ đẹp con người gắn với quê hương từ hình ảnh kết thúc bài thơ; trình bày được suy nghĩ riêng, có lí giải.	Vận dụng	1,0đ
Viết câu 1	Viết được đoạn văn nghị luận xã hội (khoảng 200 chữ) về ý nghĩa của việc gìn giữ những vẻ đẹp bình dị trong cuộc sống xung quanh: xác định đúng vấn đề, có lí lẽ và bằng chứng, có nhìn nhận chiều ngược lại, rút ra bài học nhận thức và hành động.	Vận dụng cao	2,0đ
Viết câu 2	Viết được bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá cấu tứ và hình ảnh của bài thơ "Miền quê": khái quát được tứ thơ, phân tích được mạch vận động và sự chi phối của tứ thơ đến hệ	Vận dụng cao	4,0đ

thống hình ảnh, đánh
giá được giá trị của câu
tứ và hình ảnh.

III. ĐỀ KIỂM TRA

ĐỀ ÔN TẬP HỌC KÌ I - MÔN NGỮ VĂN 11 (Kết nối tri thức)

Đề số 1 - Nhóm ngữ liệu: THƠ

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

Phần I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

MIỀN QUÊ

Nguyễn Khoa Điềm

Lại về mảnh trăng đầu tháng
Mông lung mặt đồng bóng chiều,
Tiếng ếch vùi trong cỏ ẩm
Lúa mềm như vai thân yêu

Mùa xuân, là mùa xuân đầy
Thả chim, cỏ nội hương đồng
Đàn trâu bụng tròn qua ngõ
Gõ sừng lên mảnh trăng cong

Có gì xôn xao đầm thắm
Bao nhiêu trông đợi chóng chầy
Đàn em tóc dài mười tám
Thương người ra lính hôm mai

Để rồi bao nhiêu gió thổi
Bên giếng làng, ngoài bến sông
Có tiếng hát như con gái
Cao cao như vàng trăng trong...

(Nguồn: Thơ Nguyễn Khoa Điềm, tuyển tập 40 năm do tác giả chọn, NXB Văn học, 2012)

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ "Miền quê".

Câu 2 (0,5 điểm). Chỉ ra những hình ảnh thiên nhiên miền quê xuất hiện trong hai khổ thơ đầu.

Câu 3 (1,0 điểm). Nêu tác dụng của biện pháp so sánh trong câu thơ "Lúa mềm như vai thân yêu".

Câu 4 (1,0 điểm). Nhận xét về mạch vận động của cảm xúc qua bốn khổ thơ (chú ý những lần xuất hiện của hình ảnh trăng).

Câu 5 (1,0 điểm). Từ hình ảnh khép lại bài thơ "Có tiếng hát như con gái/Cao cao như vàng trắng trong...", anh/chị rút ra thông điệp gì về vẻ đẹp con người gắn với miền quê?

Phần II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Từ bài thơ ở phần Đọc hiểu, hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc gìn giữ những vẻ đẹp bình dị trong cuộc sống xung quanh ta.

Câu 2 (4,0 điểm). Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ "Miền quê" (Nguyễn Khoa Điềm).

HẾT

IV. HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm):

Thể thơ sáu chữ (16 dòng, 4 khổ, mỗi khổ 4 dòng; vần chân gieo ở dòng 2 và dòng 4 mỗi khổ: "chiều"/"yêu", "đồng"/"cong", "chày"/"mai", "sông"/"trong") (0,25 điểm); phương thức biểu đạt chính: biểu cảm, kết hợp miêu tả (0,25 điểm).

Câu 2 (0,5 điểm):

Các hình ảnh: "mảnh trăng đầu tháng", "mặt đồng bóng chiều", "tiếng ếch vùi trong cỏ âm", "lúa mềm", "chim", "cỏ nội hương đồng", "đàn trâu bụng tròn", "mảnh trăng cong". HS nêu được từ 4 hình ảnh trở lên: 0,5 điểm; 2-3 hình ảnh: 0,25 điểm.

Câu 3 (1,0 điểm):

- Chỉ ra phép so sánh: "lúa" (cảnh vật) được so sánh với "vai thân yêu" (con người) (0,25 điểm). - Tác dụng (0,75 điểm): gợi cảm giác mềm mại, ấm áp của cánh đồng lúa qua xúc giác, khiến thiên nhiên mang hình hài và hơi ấm con người; lối so sánh lấy người để cảm cảnh (ngược với lối quen thuộc mượn cảnh nói người) cho thấy quê hương được cảm nhận như một người thân; bộc lộ tình cảm triu mến, gắn bó máu thịt của nhân vật trữ tình; làm câu thơ giàu hình ảnh, giàu sức gợi.

Câu 4 (1,0 điểm):

- Mạch cảm xúc vận động qua bốn chặng (0,5 điểm): khổ 1 băng khuâng trước cảnh chiều quê mông lung, ấm áp; khổ 2 rộn ràng trước sức sống mùa xuân, no đủ; khổ 3 xôn xao, đắm thắm khi hướng về con người: những cô gái "tóc dài mười tám" sớm hôm ("hôm mai") thương nhớ, chờ đợi người ra lính; khổ 4 lắng lại và ngân lên trong tiếng hát "cao cao như vàng trắng trong". - Nhận xét (0,5 điểm): mạch cảm xúc đi từ cảnh đến người, từ cái nhìn thấy đến cái nghe thấy, từ không gian thiên nhiên đến chiều sâu tâm hồn; hình ảnh

trắng xuất hiện ba lần ("mảnh trắng đầu tháng", "mảnh trắng cong", "vàng trắng trong") làm sợi dây liên kết các khổ, từ "mảnh" đến "vàng" như đánh dấu bước đi của thời gian và sự đầy đặn dần của cảm xúc. Lưu ý: "hôm mai" nghĩa là sớm hôm, nói nỗi thương nhớ thường trực, không phải cảnh tiễn đưa.

Câu 5 (1,0 điểm):

HS trình bày theo nhiều cách, cần làm rõ: tiếng hát được so sánh "như con gái" (trẻ trung, duyên dáng) và "cao cao như vàng trắng trong" (trong trẻo, vời vợi), vãn vang lên "bên giếng làng, ngoài bến sông" qua "bao nhiêu gió thổi" (qua thời gian, đổi thay), gợi vẻ đẹp tâm hồn trong sáng, thủy chung, bền bỉ của con người quê hương. Thông điệp gợi ý: con người là linh hồn của quê hương; vẻ đẹp của một miền quê được nuôi dưỡng và lưu giữ bởi tâm hồn những con người sống nghĩa tình nơi ấy. Nêu thông điệp hợp lí, lí giải thuyết phục: 1,0 điểm; nêu thông điệp nhưng lí giải sơ sài: 0,5 điểm.

Phần II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Tiêu chí	Điểm	Nội dung yêu cầu
a. Hình thức và dung lượng	0,25đ	Đảm bảo hình thức một đoạn văn nghị luận (không xuống dòng tùy tiện), dung lượng khoảng 200 chữ.
b. Xác định đúng vấn đề	0,25đ	Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa của việc gìn giữ những vẻ đẹp bình dị trong cuộc sống xung quanh ta.
c. Triển khai hệ thống ý	1,0đ	Triển khai được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Đoạn văn tham khảo theo trình tự: Mở đoạn: nêu vấn đề nghị luận: ý nghĩa của việc gìn giữ những vẻ đẹp bình dị trong cuộc sống xung quanh ta. Thân đoạn: - Giải thích: "vẻ đẹp bình dị" là những giá trị giản đơn, gần gũi trong đời sống (thiên nhiên quê hương, tình cảm gia đình, những điều thân thuộc hằng ngày) như hình ảnh trong bài thơ "Miền quê". - Bàn luận: gìn giữ vẻ đẹp bình dị giúp con người neo giữ cội nguồn, tâm hồn thanh thản, biết trân trọng cuộc sống; biểu hiện cụ thể qua việc giữ gìn cảnh quan làng quê, nếp sống nghĩa tình. - Nhìn nhận vấn đề ở chiều ngược lại (phản đề/mở rộng): cần phê phán lối sống chạy theo phù phiếm, xa hoa mà lãng quên giá trị bình dị quanh mình; không nên tuyệt đối hoá sự bình dị đến

mức ngại đổi mới, phát triển.

- **Bài học nhận thức và hành động:** nhận thức đúng giá trị bình dị; hành động cụ thể để gìn giữ, trân trọng những vẻ đẹp ấy trong đời sống hằng ngày.

Kết đoạn: khẳng định lại ý nghĩa của vấn đề, gửi gắm một thông điệp ngắn gọn.

- d. Diễn đạt** **0,25đ** Chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt; các câu trong đoạn liên kết chặt chẽ.
- đ. Sáng tạo** **0,25đ** Có suy nghĩ sâu sắc, cách diễn đạt mới mẻ về vấn đề nghị luận; biết liên hệ, mở rộng hợp lí.

Câu 2 (4,0 điểm)

Tiêu chí	Điểm	Nội dung yêu cầu
a. Bố cục và dung lượng	0,25đ	Đảm bảo bố cục ba phần (mở bài, thân bài, kết bài) của một bài văn nghị luận, dung lượng khoảng 600 chữ.
b. Xác định đúng vấn đề	0,5đ	Xác định đúng vấn đề nghị luận: phân tích, đánh giá cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ "Miền quê" (Nguyễn Khoa Điềm).
c. Triển khai bài viết	2,5đ	Lựa chọn được thao tác lập luận phù hợp (phân tích, chứng minh, bình luận), kết hợp lí lẽ và dẫn chứng từ chính bài thơ, trình bày hệ thống ý theo bố cục ba phần. Dàn ý tham khảo: Mở bài: - Giới thiệu tác giả Nguyễn Khoa Điềm, bài thơ "Miền quê"; nêu vấn đề nghị luận: cấu tứ và hình ảnh. Có thể dẫn dắt bằng nhiều cách (từ đặc điểm bài thơ, từ hình ảnh trung tâm, từ một câu hỏi...); không bắt buộc dùng nhận định lí luận văn học. Thân bài: - Khái quát tứ thơ: miền quê hiện về qua cái nhìn "lại về" (trở về hoặc hồi tưởng) của nhân vật trữ tình; cái nhìn đi từ cánh đồng chiều đến ngõ xóm mùa xuân, từ cảnh vật đến con người, từ cái thấy đến cái nghe, và kết tinh ở tiếng hát người con gái: vẻ đẹp sâu xa nhất của quê hương nằm ở tâm hồn con người. Có thể nêu các cách hiểu khác (bài thơ tả cảnh quê mùa xuân; bài thơ về nỗi nhớ quê của người xa quê) trước khi nêu ý kiến riêng. - Phân tích cấu tứ theo từng chặng vận động của bài thơ (luận điểm chính, chiếm dung lượng lớn nhất):

+ Khổ 1 (cảnh chiều quê): "mảnh trăng đầu thán", "mặt đồng bóng chiều" mông lung; "tiếng ếch vui trong cỏ ẩm" (chuyển đổi cảm giác); so sánh "Lúa mềm như vai thân yêu" lấy người để cảm cảnh - quê hương được cảm nhận bằng xúc giác, như một người thân; xác lập cái nhìn "lại về" của nhân vật trữ tình.

+ Khổ 2 (mùa xuân): lời reo "Mùa xuân, là mùa xuân đây"; "cỏ nội hương đồng", "đàn trâu bụng tròn" gợi sự no đủ, yên ổn; nét vẽ hồn nhiên "Gõ sừng lên mảnh trăng cong" nối mặt đất với bầu trời - cái nhìn đi từ cánh đồng vào ngõ xóm.

+ Khổ 3 (bản lẻ của tứ thơ): từ cảnh chuyển sang người; "Có gì xôn xao đầm thắm" (phiếm chỉ, cảm xúc lan toả); "Đàn em tóc dài mười tám/Thương người ra lính hôm mai" ("hôm mai": sớm hôm, nỗi thương nhớ thường trực), "trông đợi chóng chầy" (sớm hay muộn vẫn đợi) - tình yêu đôi lứa hoà vào tình yêu quê hương thời chiến.

+ Khổ 4 (điểm kết tinh): qua "bao nhiêu gió thổi", "bên giếng làng, ngoài bến sông" vẫn vang "tiếng hát như con gái/Cao cao như vàng trắng trong..." - cái nhìn nhường chỗ cho cái nghe; vẻ đẹp tâm hồn trong trẻo, thủy chung của con người là linh hồn của miền quê.

- Đánh giá hệ thống hình ảnh và yếu tố tượng trưng: hình ảnh bình dị, giàu cảm giác (xúc giác: "cỏ ẩm", "lúa mềm"; thính giác: "tiếng ếch", "tiếng hát"); hình ảnh lặp lại ba lần và đối xứng ("mảnh trăng đầu thán" - "mảnh trăng cong" - "vàng trắng trong") tạo sợi dây liên kết, mang tính tượng trưng (có thể hiểu là thời gian, là vẻ đẹp trong trẻo của tâm hồn quê); các phép so sánh ("như vai thân yêu", "như con gái", "như vàng trắng trong") và chuyển đổi cảm giác; thể thơ sáu chữ, nhịp chậm, vần chân êm. (Bài thơ không dùng phép nhân hoá nổi bật; tránh gán sai biện pháp tu từ.)

- Đánh giá nét riêng: cấu tứ đi từ cảnh đến người, từ cái thấy đến cái nghe, kết bằng một âm thanh; có thể so sánh với bài thơ khác viết về quê hương (vd "Nhớ đồng" của Tố Hữu: bắt đầu từ "một tiếng hò" rồi mở ra cảnh quê trong nỗi nhớ) để làm nổi bật nét riêng.

Kết bài:

- Khẳng định giá trị của cấu tứ và hệ thống hình ảnh trong việc thể hiện khám phá mới về con người, cuộc sống; nêu ý nghĩa của tác phẩm đối với người đọc hôm nay (không bắt buộc dùng nhận định lí luận văn học).

- d. Diễn đạt 0,25đ** Chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt; diễn đạt trong sáng, mạch lạc.
- đ. Sáng tạo 0,5đ** Có cách diễn đạt mới mẻ, cảm thụ tinh tế, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

V. ĐOẠN VĂN THAM KHẢO (Câu 1 - 2,0 điểm)

(Đoạn văn minh họa cách triển khai, câu in đậm là câu chủ đề của đoạn)

Gìn giữ những vẻ đẹp bình dị quanh mình là cách để con người giữ lại cội rễ và sự cân bằng cho tâm hồn. Vẻ đẹp bình dị là những điều giản đơn, quen thuộc đến mức ta dễ quên: một cánh đồng lúa chiều xuống, tiếng ếch sau cơn mưa, bữa cơm đủ mặt người thân, lời chào của bác hàng xóm, giống như cảnh "Lúa mềm như vai thân yêu" trong bài thơ của Nguyễn Khoa Điềm. Những điều ấy không ồn ào nhưng nuôi dưỡng ta mỗi ngày; chúng cho ta một chốn để trở về, dạy ta biết đủ, biết thương, và giúp ta đứng vững giữa nhịp sống gấp gáp. Dẫu vậy, gìn giữ không có nghĩa là đóng băng mọi thứ, từ chối đổi thay; điều cần phê phán là lối sống chạy theo hào nhoáng mà rẽ rúng cái giản dị, chứ không phải sự phát triển. Mỗi người trẻ có thể bắt đầu từ việc nhỏ: chịu khó quan sát, biết trân trọng, giữ gìn sạch đẹp nơi mình sống, giữ nếp nghĩa tình trong gia đình. Biết nâng niu cái bình dị, ta cũng đang giữ cho mình một tâm hồn không chai sạn.

VI. BÀI VIẾT THAM KHẢO (Câu 2 - 4,0 điểm)

(Bài viết mẫu để học sinh tham khảo cách triển khai, không phải đáp án duy nhất)

Lộ trình của cái nhìn: cấu tứ và hình ảnh trong "Miền quê" (Nguyễn Khoa Điềm)

Nhà thơ đứng ở đâu khi nhìn về quê hương, và ánh mắt ấy đi theo trình tự nào? Đặt câu hỏi ấy trước "Miền quê" của Nguyễn Khoa Điềm, ta nhận ra bài thơ không bày cảnh theo lối liệt kê mà dẫn người đọc theo một lộ trình của cái nhìn: từ mặt đồng chiều đến ngõ xóm mùa xuân, từ cảnh vật sang con người, rồi thôi nhìn để lắng nghe một tiếng hát. **Lộ trình ấy chính là tứ thơ: miền quê đẹp nhất không ở cảnh sắc mà ở tâm hồn con người, và cả hệ thống hình ảnh được tổ chức để đi tới phát hiện ấy.**

Hai chữ "Lại về" mở đầu đã định vị cái nhìn: cái nhìn của người trở về, hoặc của người đang sống lại một miền kí ức, nên cảnh hiện ra không sắc nét mà "Mông lung mặt đồng bóng chiều", dưới "mảnh trăng đầu tháng" còn mỏng mảnh. Người về không chỉ thấy mà còn nghe và chạm: "Tiếng ếch vui trong cỏ ẩm" là âm thanh được cảm bằng xúc giác, như được ủ trong hơi ẩm của đất. Đắt nhất là phép so sánh "Lúa mềm như vai thân yêu". Thường người ta mượn cảnh để nói người; ở đây nhà thơ làm ngược lại, lấy dáng hình con người để cảm cảnh đồng. **Khổ đầu vì vậy xác lập cách nhìn của cả bài: quê hương được cảm nhận bằng da thịt, như cảm nhận một người thân.**

Sang khổ hai, nhịp thơ chọt reo lên: "Mùa xuân, là mùa xuân đây". Dấu phẩy ngắt giữa dòng như một phút dừng lại để nhận ra. "Đàn trâu bụng tròn qua ngõ" gợi sự no đủ, thông

thả; còn "Gỗ sừng lên mảnh trăng cong" là một nét vẽ tinh nghịch: đứng ở ngõ nhìn lên, cặp sừng cong chạm vào vầng trăng cong như hai đường nét cùng một dáng, đất và trời chỉ cách nhau một cái ngẩng đầu. **Ở chặng này, cái nhìn đã rời cánh đồng để vào ngõ xóm, và cảnh vật mang nhịp sống no đủ, hồn nhiên của con người.**

Khổ ba là bản lề của tứ thơ: ánh mắt rời cảnh vật để dừng lại ở con người, và miền quê lập tức có một nhịp tim. Câu "Có gì xôn xao đêm thắm" không gọi tên nguyên cớ; chữ "có gì" phỉếm chỉ khiến niềm xao động lan khắp không gian. Nguyên cớ hiện ra ở hai dòng sau: "Đàn em tóc dài mười tám/Thương người ra lính hôm mai". "Hôm mai" là sớm hôm, nên đây không phải cảnh tiễn đưa mà là nỗi thương nhớ thường trực; "trông đợi chóng chầy", sớm hay muộn cũng đợi, là sự thủy chung không đo bằng thời gian. Phải chăng người "ra lính" cũng có thể là chính chủ thể trữ tình đang "lại về" bằng kí ức? Nếu vậy, nỗi nhớ người đi đã gặp nỗi đợi người ở lại.

Khổ cuối không tả thêm một cảnh nào. Qua "bao nhiêu gió thổi", ở "giếng làng", "bến sông", những nơi gắn với hò hẹn của làng quê, vẫn ngân lên một tiếng hát. Tiếng hát được so sánh lạ: "như con gái", mang tuổi trẻ và vẻ duyên thiếu nữ, rồi "Cao cao như vầng trăng trong", vút lên, trong trẻo, và dấu chấm lửng để tiếng hát còn vang. Đến đây mới thấy trăng đã đi suốt bài thơ: "mảnh trăng đầu tháng", "mảnh trăng cong", rồi "vầng trăng trong". Từ "mảnh" đến "vầng", có thể hiểu là bước đi của thời gian, cũng là sự đầy đặn dần của cảm xúc. **Ba lần xuất hiện, ba lần đổi dáng, trăng thành sợi chỉ ngằm nối các khổ, cho thấy hệ thống hình ảnh vận động đúng theo nhịp đi của tứ thơ.** Cái nhìn rút cuộc nhường chỗ cho cái nghe.

Đặt cạnh "Nhớ đồng" của Tố Hữu, nét riêng ấy càng rõ. Tố Hữu khởi đầu từ một âm thanh, "Gì sâu bằng những trưa thương nhớ/Hiu quạnh bên trong một tiếng hò!", rồi từ tiếng hò mở ra cả vùng quê trong nỗi nhớ của người tù. Nguyễn Khoa Điềm đi theo chiều ngược lại: bắt đầu từ những gì mắt thấy, tay chạm, và chỉ tới cuối bài mới để tiếng hát cất lên như điểm kết tinh. **Giá trị của "Miền quê" nằm ở chỗ một cấu tứ giản dị, đi từ cảnh đến người, từ cái thấy đến cái nghe, lại nói được một điều không giản dị: quê hương sống bền lâu nhờ tâm hồn trong trẻo, thủy chung của con người.**

12 ĐỀ, 12 NGỮ LIỆU NGOÀI SÁCH GIÁO KHOA

Cột cuối là nhan đề bài văn mẫu (Câu 2) của từng đề trong bản đầy đủ.

Đề	Ngữ liệu	Đoạn văn 200 chữ bàn về	Bài văn mẫu 600 chữ
Truyện 1	"Con chó xấu xí" (Kim Lân)	Dám tự nhìn nhận lỗi lầm của bản thân	Người kể chuyện cũng là kẻ có lỗi
Truyện 2	"Nhành mai" (Nguyễn Minh Châu)	Ý nghĩa của những kí ức đẹp	Hai lớp thời gian trên một tấm ảnh
Truyện 3	"Mây trắng còn bay" (Bảo Ninh)	Thấu cảm trong ứng xử nơi công cộng	Khoảng lặng của người kể
Truyện 4	"Tặng một vàng trắng sáng" (Lâm Thanh Huyền)	Lòng tự trọng giúp con người tự sửa mình	Sức nén của một câu kết
Thơ 1 (đọc thử trọn vẹn)	"Miền quê" (Nguyễn Khoa Điềm)	Gìn giữ những vẻ đẹp bình dị	Lộ trình của cái nhìn
Thơ 2	"Áo trắng" (Huy Cận)	Trân trọng khoảnh khắc hạnh phúc hiện tại	Một màu áo, một giấc mộng chung
Thơ 3	"Thử nói về hạnh phúc" (Thanh Thảo), trích	Hạnh phúc cá nhân và hạnh phúc cộng đồng	Nói về hạnh phúc bằng một chữ "thử"
Thơ 4	"Anh chỉ sợ rồi trời sẽ mưa" (Lưu Quang Vũ)	Lòng tin trong các mối quan hệ	Cơn mưa chưa đến
Nghị luận 1	"Tôi sẵn sàng chết" (Nelson Mandela)	Học tập thay đổi cuộc đời	Khi người bên cạnh chịu bất công, im lặng không phải là vô can
Nghị luận 2	"Sự nguy hiểm của vô cảm" (Elie Wiesel)	Ghi nhớ những trang sử đau thương	Thấu cảm, phần người không được để nguội
Nghị luận 3	"Bản thân chúng ta là giá trị có sẵn" (Phạm Lữ Ân)	Giá trị của những phẩm chất bình dị	Vật hay thiên nga, mỗi người đều có giá trị của riêng mình
Nghị luận 4	Lời tựa tập "Thơ thơ" (Thế Lữ)	Nỗi cô đơn giữa thời đại kết nối số	Dấn thân để sống trọn tuổi trẻ

TRÍCH TRANG VIẾT TỪ HAI NHÓM ĐỀ CÒN LẠI

Mỗi bài mẫu mở đề theo một lối riêng: bài dưới đây đi vào từ một câu văn của chính tác phẩm, bài sau đi vào từ một câu hỏi đặt ra cho người đọc.

TỪ NHÓM TRUYỆN, ĐỀ SỐ 1: phân tích cách kể chuyện

Người kể chuyện cũng là kẻ có lỗi: cách kể trong "Con chó xấu xí" (Kim Lân)

"Tôi tôi sầm mặt lại, vừa thương xót con chó, vừa thấy xấu hổ." Gặp câu văn này, người đọc buộc phải hỏi: ai đang nói, và người ấy đứng ở đâu để nói? Đó chính là kẻ có lỗi, ở một thời điểm đã quá muộn. Trong "Con chó xấu xí", Kim Lân, cây bút gắn bó máu thịt với làng quê Bắc Bộ, kể một chuyện rất nhỏ: vợ chồng "tôi" chạy giặc, gửi con chó xấu xí lại nhà cụ bếp Móm; trở về, "tôi" quên hẳn nó, đến khi sức nhớ thì con chó đã chết, sau khi bỏ ăn, xõng xích lết về nhà. **Chuyện nhỏ ấy ám ảnh lâu dài là nhờ cách kể: ngôi kể, sự dịch chuyển điểm nhìn, trình tự sự việc và một giọng điệu tự vấn đến tận cùng.**

(Phần thân bài và kết bài có trong bản đầy đủ)

TỪ NHÓM NGHỊ LUẬN, ĐỀ SỐ 2: bài nghị luận có phản bác ý kiến trái chiều

Thấu cảm, phần người không được để nguội

Điều gì đáng sợ hơn: cái ác, hay sự im lặng của những người đứng nhìn cái ác? Elie Wiesel, người từng sống sót qua trại tập trung của phát xít, đã trả lời bằng một khẳng định gây sững sốt: vô cảm "còn nguy hiểm hơn là thù hận và giận dữ". Câu trả lời ấy buộc mỗi người tự soi lại mình mỗi khi đứng trước nỗi đau của người khác. **Thái độ cần có trước nỗi đau, khó khăn của người xung quanh là thấu cảm, tức là biết đặt mình vào vị trí của họ để hiểu và hành động, thay vì quay mặt đi trong vô cảm.**

(Phần thân bài và kết bài có trong bản đầy đủ)

NHẬN TRỌN BỘ 118 TRANG

Chuyên đề ôn tập Học kỳ 1 - Ngữ văn 11 (Kết nối tri thức)

Bản đọc thử dừng ở đây, nhưng mạch ôn tập thì chưa. Còn 11 đề với 11 ngữ liệu mới, mỗi đề một hướng dẫn chấm tỉ mỉ đến từng mức điểm và hai bài viết mẫu viết riêng cho đề ấy. Thầy cô có thể dùng ngay cho các tiết ôn tập, các em có thể tự luyện và tự chấm ở nhà.

ĐỂ NHẬN BẢN ĐẦY ĐỦ

- Liên hệ Zalo **0328 961 617**.
- **Nhắn theo mẫu:** HK1 VĂN 11 + họ tên + giáo viên/phụ huynh/học sinh
- Tài liệu mới và ưu đãi được cập nhật trên trang Facebook "**Kết Nối Tri Thức | Ngữ Văn**".

Dạy hoặc học nhiều khối? Bộ chuyên đề Học kỳ 1 có đủ lớp 10, 11, 12, cùng một chuẩn biên soạn. Nhắn Zalo để được tư vấn khi đặt theo bộ.

Chúc quý thầy cô một mùa ôn tập nhẹ nhàng, chúc các em vững vàng bước vào kì kiểm tra cuối học kì I.